

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình
Địa chỉ: Thôn Đông Ninh, Thượng Phúc, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (Lần 7)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỤY ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số: 87/2025/QH-15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Căn cứ Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về Hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Văn bản số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông



nghiệp và Môi trường về thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: Giá gạo tại thời điểm hỗ trợ là 17.000 đồng/kg.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định đơn giá bồi thường nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 05/5/2026 về việc quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 29/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-BQLKKT ngày 22/5/2024 của Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 03/4/2025 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Trích đo địa chính số 1 (TĐ: 11-2024 tỷ lệ 1/2000 tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy (cũ) do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường thực hiện ngày 20/02/2024 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 04/3/2024;

Theo đề nghị của Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy tại Tờ trình số 49/TTr-CNPTQĐKVT ngày 01/06/2026 và Tờ trình số 76/TTr-KT ngày 24/6/2026 của Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình, địa chỉ: Thôn Đông Ninh, Thượng Phúc, xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên (Lần 7), bao gồm:

1. Tổng diện tích đất đề nghị thu hồi theo nguồn gốc sử dụng đất là: **12352,5 m²** (*Bằng chữ: Mười hai nghìn ba trăm năm mươi hai phẩy năm mét vuông*), gồm:

- Diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: 11.593,7 m²
- Diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: 6.593,8 m²
(Loại đất theo nguồn gốc sử dụng là đất LUC):
- Diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân: 4.999,9 m²
(Loại đất theo nguồn gốc sử dụng là đất NTS):
- Diện tích đất UBND xã Đông Thụy Anh quản lý 758,8m²
(Loại đất theo nguồn gốc sử dụng là đất LUC):

2. Tổng số hộ gia đình, cá nhân, đơn vị có đất thu hồi: 06 (Trong đó có 05 hộ gia đình, cá nhân và 01 đơn vị (UBND xã)).

3. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: **7.023.622.000 đồng**. (*Bảy tỷ không trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng*). Bao gồm:

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ của hộ gia đình, cá nhân: 6.841.507.000 đồng
- + Bồi thường về đất nông nghiệp: 869.352.000 đồng
- + Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: 2.608.587.000 đồng
- + Hỗ trợ ổn định đời sống: 128.520.000 đồng
- + Thưởng đối với người có đất thu hồi, người được bồi thường, hỗ trợ về tài sản bàn giao đất trước thời hạn quy định: 347.811.000 đồng
- + Bồi thường, hỗ trợ về tài sản cây cối, con vật nuôi trên thửa đất: 2.887.057.000 đồng
- Hỗ trợ về đất nông nghiệp cho UBND xã Đông Thụy Anh: 56.910.000 đồng
- Kinh phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng: 125.205.000 đồng

4. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ có hiệu lực thi hành, Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy có trách nhiệm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được bồi thường, hỗ trợ.

5. Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ

(*Có phụ lục chi tiết kèm theo*).

6. Nguồn vốn: Từ nguồn bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 29/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan:

1. Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh phổ biến, niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và tại điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đồng thời gửi phương án bồi thường, hỗ trợ đến hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phối hợp với Chủ đầu tư thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt và thanh quyết toán theo quy định.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về việc xác định tỷ lệ bồi thường, hỗ trợ, về tính chính xác trong việc kê khai số cán bộ tham gia, số ngày làm việc của viên chức, người lao động tham gia thực hiện công tác GPMB và chi phí sử dụng văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ đảm bảo đúng, không trùng lặp với các dự án, địa phương khác; quản lý, sử dụng và thanh quyết toán chi phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB theo quy định hiện hành.

2. Hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án bồi thường, hỗ trợ có trách nhiệm phối hợp với Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy, Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế; Giám đốc Chi nhánh Phát triển Quỹ đất khu vực Thái Thụy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên trong Phương án bồi thường, hỗ trợ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.



CHỦ TỊCH

Trần Tuấn Kiệt



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP VSIP THÁI BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: THÔN ĐÔNG NINH, THƯỜNG PHÚC, XÃ ĐÔNG THUY ANH, TỈNH HƯNG YÊN (LẦN 7)
(Kèm theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thuy Anh)

THEO TRÍCH LỤC GPMB										THEO NGUỒN GỐC ĐẤT					Nhãn hồ trợ ăn định đời sống	Bồi thường, hỗ trợ về đất		Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất		Thường bán giao đất đúng tiến độ	Tổng giá trị bồi thường	Hỗ trợ tiền đất UBND xã	
STT	Số thứ tự	Số thửa	Loại đất	Diện tích tổng thửa	Xã đồng	Họ và tên chủ hộ	Số định danh	Nơi thường trú	Tổng diện tích phụ vụ dự án	Diện tích thu hồi				Diện tích còn lại		Tỷ lệ %							
										Loại đất	Diện tích đất của hộ gia đình	Diện tích đất của UBND xã	Diện tích còn lại										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	17	21	24	25	26	27	28	29	30	
	3	152	NTS	384,3	16,8			Thôn Thường Phúc, xã Đông Thuy Anh	16,8	LUC	16,8		0,0			1.260.000	3.780.000			504.000			
	3	153	NTS	2420,7	107,4		034154020640		107,4	LUC	107,4		0,0			8.055.000	24.165.000			3.222.000			
1	3	20	CLN	2531,1	871,5			Đông Thuy Anh	871,5	LUC	871,5		0,0	78,3%	7	65.363.000	196.088.000	42.840.000		26.145.000	1.391.782.000		
	3	155	NTS	1375,5	60,0				60,0	LUC	60,0		0,0			4.500.000	13.500.000			1.800.000			
	3	159	LUC	3790,8	758,8	UBND xã			3032,0	LUC	3032,0		0,0			227.400.000	682.200.000			90.960.000			
	3	152	NTS	384,3	60,5			Thôn Thường Phúc, xã Đông Thuy Anh	60,5	LUC	60,5		0,0			4.538.000	13.613.000			1.815.000		56.910.000	
2	3	153	NTS	2420,7	387,8		034165018105		387,8	LUC	387,8		0,0	100,0%	1	29.085.000	87.255.000			11.634.000			
	3	20	CLN	2531,1	635,1			Đông Thuy Anh	635,1	LUC	635,1		0,0			47.633.000	142.898.000	6.120.000		19.053.000	435.122.000		
	3	155	NTS	1375,5	216,6				216,6	LUC	216,6		0,0			16.245.000	48.735.000			6.498.000			
	3	152	NTS	384,3	41,9			Thôn Thường Phúc, xã Đông Thuy Anh	41,9	LUC	41,9		0,0			3.143.000	9.428.000			1.257.000			
3	3	153	NTS	2420,7	268,5		034074008470		268,5	LUC	268,5		0,0	73,3%	5	20.138.000	60.413.000			8.055.000			
	3	20	CLN	2531,1	439,6			Đông Thuy Anh	439,6	LUC	439,6		0,0			32.970.000	98.910.000	30.600.000		13.188.000	327.602.000		
	3	155	NTS	1375,5	150,0				150,0	LUC	150,0		0,0			11.250.000	33.750.000			4.500.000			
	3	152	NTS	384,3	265,1			Thôn Thường Phúc, xã Đông Thuy Anh	265,1	NTS	265,1		0,0			19.883.000	59.648.000			7.953.000			
	3	153	NTS	2420,7	1657,0				1657,0	NTS	1657,0		0,0			124.275.000	372.825.000			49.710.000			
	3	20	CLN	2531,1	584,9			Thôn Thường Phúc, xã Đông Thuy Anh	584,9	NTS	584,9		0,0			43.868.000	131.603.000			17.547.000			
4	3	155	NTS	1375,5	948,9		034082025570		948,9	NTS	948,9		0,0	99,5%	7	71.168.000	213.503.000		2.239.878.000	28.467.000			
	3	205	NKH	449,2	449,2			Đông Thuy Anh	449,2	NTS	449,2		0,0			33.690.000	101.070.000	42.840.000		13.476.000			
	3	206	NKH	529,2	529,2				529,2	NTS	529,2		0,0			39.690.000	119.070.000			15.876.000			
	3	207	CLN	565,6	565,6				565,6	NTS	565,6		0,0			42.420.000	127.260.000			16.968.000			
	1	292	NKH	1052,2	292,4			Thôn Đông Ninh, xã Đông Thuy Anh	292,4	LUC	292,4		759,8			21.930.000	65.790.000			8.772.000			
5	1	293	NTS	2392,4	13,7		034160003825		13,7	LUC	13,7		2378,7	8,5%	6	1.028.000	3.083.000	6.120.000	647.179.000	411.000	754.313.000		
Tổng				15.491,0	12.352,5				12.352,5		11.593,7	758,8	3.138,5		26,0	869.532.000	2.608.587.000	6.120.000	122.400.000	2.887.057.000	347.811.000	6.841.507.000	56.910.000
Tổng giá trị BHYT hộ gia đình và UBND xã (I)																						6.898.417.000	
Kinh phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng (II)																						125.205.000	
Kinh phí tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng (I+II)																						7.023.622.000	

PHỤ LỤC 2: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP VSIP THÁI BÌNH

ĐỊA ĐIỂM: THÔN ĐÔNG NINH, THƯỜNG PHÚC, XÃ ĐÔNG THUY ANH, TỈNH HƯNG YÊN (LẦN 7)
(Kèm theo Quyết định số 1339/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh)

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả thẩm định			Ghi chú
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Chi phát tờ khai, hướng dẫn kê khai tài sản xây dựng, cây cối hoa màu, mộ	đồng/người/buổi	24	98.000	2.352.000	
2	Kiểm đếm tài sản, cây cối hoa màu, kiểm tra hiện trạng, đánh giá tỷ lệ % CLCL	đồng/người/buổi	241	98.000	23.618.000	
3	Kiểm đếm tài sản, cây cối hoa màu, kiểm tra hiện trạng, đánh giá tỷ lệ % CLCL	đồng/người/buổi	252	150.000	37.800.000	
4	Chi kiểm tra, đối chiếu giữa tờ kê khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cụ thể	đồng/người/buổi	21	100.000	2.100.000	
5	Chi phí lập, công khai phương án BT, HT, TĐC	đồng/người/buổi*	37	100.000	3.700.000	
6	Chi phục vụ công tác chi trả	đồng/người/buổi	8	100.000	800.000	
7	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (5 người x 200.000 đồng x 10 ngày)	đồng/người/ngày	50,0	200.000	10.000.000	
8	Chi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	đồng/người/ngày	2,5	200.000	500.000	
9	Chi mua văn phòng phẩm, phô tô tài liệu, sửa chữa TSCĐ, CCDC, chi khác	đồng			5.335.000	
10	Chi thuê xe phục vụ công tác chi trả BT, HT	đồng			500.000	
11	Chi sửa chữa, bảo trì máy tính	đồng			38.500.000	
	Tổng				125.205.000	